

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Giáo sư
Mã hồ sơ:**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:) ;

Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: **Dược học** ; Chuyên ngành: **Công nghệ dược phẩm và Bào chế**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Ngọc Chiến**

2. Ngày tháng năm sinh: **18/4/1972**; Nam Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Trường Thọ, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P1003, B14, Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): P1003, B14, Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02462777046; Điện thoại di động: 0934493409; e-mail: nguyenngocchien@yahoo.com, chiennn@hup.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1995 đến năm nay: Giảng viên, Bộ môn Công nghiệp Dược, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Từ năm 2012 đến 2016: Phó Viện trưởng, Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Từ năm 2016 đến nay: Viện trưởng, Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Dược Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438241110

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày **12 tháng 8 năm 1993**, ngành: **Dược học**, chuyên ngành: **Bào chế**.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày **25 tháng 04 năm 1999**, ngành: **Dược học**, chuyên ngành: **Bào chế**.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày **08 tháng 12 năm 2006**, ngành: **Dược học**, chuyên ngành: **Bào chế**.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Oregon State University, Hoa Kỳ.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày **26 tháng 12 năm 2013**, ngành: Dược học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Dược Hà Nội**.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Dược**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Dạng bào chế kiểm soát biến đổi, dạng bào chế chứa tiểu phân nano, biện pháp nhằm tăng sinh khả dụng của dược chất tan kém, thấm kém và biện pháp tăng độ ổn định của các dược chất kém bền.

Dạng bào chế kiểm soát biến đổi chủ yếu tập trung vào các dạng thuốc giải phóng kéo dài và giải phóng theo nhịp, giải phóng kiểm soát của viên nén một lớp, hai lớp, viên bơm thẩm thấu, vi cầu và vi nang.

Dạng bào chế chứa tiểu phân nano gồm thuốc tiêm đông khô chứa tiểu phân nano tác dụng chống khối u, viên nén chứa tiểu phân nano tăng sinh khả dụng của thuốc.

Ngoài ra, còn nghiên cứu các biện pháp nhằm nâng cao sinh khả dụng của dược chất tan kém, thấm kém, tăng độ ổn định của các dược chất kém bền, ứng dụng vào viên nén, viên nang cứng, gel.

Các kết quả bước đầu góp phần đào tạo NCS, thạc sĩ, dược sĩ, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ tương lai.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 13 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã chủ trì và hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Quốc gia; 01 đề tài NCKH cấp Bộ, 03 đề tài NCKH cấp trường;
- Đã công bố 74 bài báo KH, trong đó 19 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 04, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

1. Tuan Hiep Tran, Tuan Duc Nguyen, Bijay Kumar Poudel, Hanh Thuy Nguyen, Jong Oh Kim, Chul Soon Yong, and Chien Ngoc Nguyen, (2015), **Development and evaluation of artesunate loaded chitosan coated lipid nanocapsule as a potential drug delivery system against breast cancer**, *AAPS PharmSciTech*; Vol 16(6): 1307-1316; (tạp chí SCIE, IF: 2,666).
2. Bao Ngoc Tran, Hanh Thuy Nguyen, Jong Oh Kim, Chul Soon Yong & Chien Ngoc Nguyen; **Developing combination of artesunate with paclitaxel loaded into poly-d,l-lactic-co-glycolic acid nanoparticle for systemic delivery to exhibit synergic chemotherapeutic response**; *Drug Development and Industrial Pharmacy*; 2017; Vol. 43(12):1952-1962; (tạp chí SCIE, IF: 1,883).
3. Chien Ngoc Nguyen, Thi Thuy Trang Nguyen, Hanh Thuy Nguyen, Tuan Hiep Tran; (2017); **Nanostructured lipid carriers to enhance transdermal delivery and efficacy of diclofenac**, *Drug Deliv. and Transl. Res*, Vol. 7(5):664-673. (tạp chí SCI, IF: 3,395).
4. Bao Ngoc Tran, Hanh Thuy Nguyen, Jong Oh Kim, Chul Soon Yong, Chien Ngoc Nguyen; (2017); **Combination of a chemopreventive agent and paclitaxel in CD44-targeted hybrid nanoparticles for breast cancer**

treatment; *Arch. Pharm. Res.* Vol. 40(12):1420-1432, (tạp chí SCI, IF: 2,330).

5. Nguyễn Ngọc Chiến (2019); *Nâng quy mô và thẩm định quy trình sản xuất thuốc thành phẩm*, Nhà xuất bản y học, ISBN: 978-604-66-3688-5.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2011 về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2010-2011 theo quyết định số: QĐ số 3381/QĐ-BYT ngày 16/09/2011.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2015 về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2014-2015 theo quyết định số: 5053/QĐ-BYT ngày 27/11/2015.

- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ 2105-2016 theo quyết định số 1484/QĐ-BYT ngày 18/04/2017; Bộ Y tế.

- Kỷ niệm chương “VÌ THẾ HỆ TRẺ” của BCH TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về thành tích xuất sắc trong phong trào tuổi trẻ NCKH các trường đại học Y dược 1998 theo quyết định số 274 QĐ/TWĐTN ngày 11/05/2016.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Tôi tự nhận thấy bản thân đã đạt yêu cầu về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo tiêu chuẩn chức danh giáo sư tại quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 31 tháng 8 năm 2018 “Ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư”, cụ thể như sau:

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật dưới bất cứ hình thức nào; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

- Thời gian làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên: Có đủ thời gian làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên đạt yêu cầu khoản 2 điều 5 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg:

+ Đã có bằng tiến sĩ từ năm 2006;

+ Đã liên tục tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở trình độ đại học từ năm 1995 – 2002; sau đó liên tục tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên từ năm

2007 (19 năm học) tại trường Đại học Dược Hà Nội tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, trong đó có 03 năm cuối liên tục (minh chứng kèm theo trong hồ sơ này có đầy đủ xác nhận giờ giảng từ năm học 2013-2014 đến năm học 2018-2019).

- Đã được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư từ 12/2013, đạt yêu cầu từ đủ 03 năm trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

- Hoàn thành nhiệm vụ được giao và thực hiện đủ và vượt số giờ giảng chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong tất cả các năm giảng dạy đặc biệt học từ 2013-2014 đến 2018-2019 (thông tin cụ thể về số giờ giảng đã thực hiện được trình bày ở mục 2 của bản đăng ký này, có minh chứng xác nhận giờ giảng của Phòng Đào tạo trường Đại học Dược Hà Nội trong hồ sơ kèm theo).

- Tôi có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn và giao tiếp, đạt yêu cầu khoản 4 điều 4 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- Về công bố kết quả nghiên cứu khoa học, tôi là tác giả đầu (first author) của 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, vừa là tác giả đầu và tác giả liên hệ (corresponding author) của 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, tác giả liên hệ của 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín; là đồng tác giả liên hệ (co-corresponding author) của 08 bài báo khoa học, đồng tác giả của 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (thông tin chi tiết ở mục 7.1 của bản đăng ký này) được đăng sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư, đạt yêu cầu khoản 4 điều 5 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- Về chủ trì biên soạn sách phục vụ đào tạo, tôi đã chủ trì biên soạn 02 giáo trình, mỗi giáo trình dùng để đào tạo 2 tín chỉ phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên, đạt yêu cầu khoản 5 điều 5 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- Về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, tôi đã chủ trì 01 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ Y tế nghiệm thu kết quả đạt loại xuất sắc; 01 đề tài cấp quốc gia (Nafosted) nghiệm thu đạt và 03 đề tài khoa học công nghệ cấp trường nghiệm thu kết quả đạt từ khá trở lên, đạt yêu cầu khoản 6 điều 5 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg (danh sách chi tiết tại mục 6 của bản đăng ký này).

- Về hướng dẫn nghiên cứu sinh, tôi đã hướng dẫn chính 02 nghiên cứu sinh được công nhận cấp bằng tiến sĩ (danh sách chi tiết tại mục 4 của bản đăng ký này), đạt yêu cầu khoản 7 điều 5 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- Về các công trình khoa học được tính điểm quy đổi theo quy định tại điều 7 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg, cho đến nay tôi đã công bố được 74 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước (danh sách chi tiết tại mục 7.1 của bản đăng ký này), trong đó có 19 bài đăng trên tạp chí quốc tế uy tín; chủ

biên biên soạn 02 giáo trình và tham gia biên soạn 01 giáo trình phục vụ đào tạo đại học và sau đại học (thông tin chi tiết tại mục 5 của bản đăng ký này).

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 19 năm**.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	01	0	2	4	501	198	699
2	2014-2015	03*	0	0	4	492	125	617
3	2015-2016	03*	0	4	4	409	157	566
3 năm học cuối								
4	2016-2017	03*	0	1	4	310,2	178,5	488,7
5	2017-2018	03*	0	1	4	292,25	97,45	389,7
6	2018-2019	02	0	1	2	283,4	255,9	539,3

Ghi chú: *Không tính 01 NCS của Học Viện Quân y. Tổng số NCS hướng dẫn không quá 04 mỗi năm trong giai đoạn 2014 – 2018, tính cả 01 nghiên cứu sinh của Học Viện Quân y.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ nămđến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Hoa Kỳ năm 2006.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: bằng Cử nhân ngoại ngữ, hệ: Tại chức, ngành: , số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Duy thư	√		√		2011 - 2018	Trường ĐH Dược Hà Nội	2019
2	Lương Quang Anh	√		√		2012-2019	Học Viện Quân Y	2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận chức danh PGS						
1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	GT	NXB Y học, 2009	07	Tham gia Phần biên soạn hai người: 90-93; 122 - 124; 125-127	Xác nhận ngày 25/6/2019
2	Thực tập kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Tài liệu HD thực tập	TT thông tin thuốc – thư viện, ĐH Dược Hà Nội, 2009	11	Tham gia Phần biên soạn: 90-93; 122 - 124; 125-127	Xác nhận ngày 25/6/2019
Sau khi được công nhận chức danh PGS						
3	Công nghệ nano và Ứng dụng trong sản xuất thuốc	GT	NXB Y học, 2019	02	CB; Phần biên soạn một mình: 120-157. Phần biên soạn hai người: 9-119	Xác nhận ngày 25/6/2019
4	Nâng quy mô và thẩm định quy trình sản xuất	GT	NXB Y học, 2019	03	CB; Phần biên soạn một mình: 9-98; 141-166; 189-236. Phần biên	Xác nhận ngày 26/6/2019

thuốc thành phẩm				soạn hai người: 99-140; 167-188.	
------------------	--	--	--	-------------------------------------	--

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu bào chế viên nang chứa pellet lansoprazol bao tan trong ruột	CN	Bộ Y tế	01/2013-12/2014	06/08/2015
2	Nghiên cứu bào chế, sinh khả dụng và tác dụng chống ung thư của tiểu phân nano artesunat	CN	Cấp Quốc gia (Nafosted)	03/2014-03/2017	28/03/2017
3	Nghiên cứu bào chế một số thuốc viên điều trị bệnh tim mạch và tiểu đường giải phóng kéo dài sử dụng tá dược hydroxypropyl methyl cellulose tạo cốt thân nước	Tham gia	KC.10/11-15; Cấp nhà nước	2012 - 2015	05/04/2016
4	Nghiên cứu bào chế pellet melatonin giải phóng kéo dài	CN	Cấp trường	4/2009-4/2010	08/10/2010
5	Nghiên cứu bào chế viên nén gliclazid giải phóng kéo dài 30 mg	CN	Cấp trường	11/2010-11/2011	07/10/2011
6	Thẩm định phương pháp định lượng gliclazid trong huyết tương chó, ứng dụng vào nghiên cứu sinh khả dụng	CN	Cấp trường	02/2012-08/2013	30/07/2014
7	Thẩm định quy trình sản xuất viên nén hai lớp chứa amoxicilin và acid clavulanic giải phóng kiểm soát	Tham gia	Cấp trường	7/2014-6/2015	7/2015
8	Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp amoxicilin và acid clavulanic giải phóng kéo dài	Tham gia	Cấp trường	7/2014-2/2016	07/04/2016

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh PGS								
<i>Bài báo trong nước và các kỹ yếu hội nghị khoa học</i>								
1.	Nghiên cứu chế thử viên bao màng mỏng ketoprofen tác dụng kéo dài	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 4/2000	14-16	2000
2.	First step of formulation of melatonin beads	2	Proceedings of the 6 th indochina conference on pharmaceutical sciences			-	292-297	2009
3.	Investigation of dissolution enhancement of nifedipine from nifedipine tablet 10 mg	3	Proceedings of the 6 th indochina conference on pharmaceutical sciences			-	390-395	2009
4.	Nghiên cứu bào chế viên nén paracetamol hai lớp giải phóng ngay và giải phóng kéo dài	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 3/2010, số 407	07-09	2010
5.	Nghiên cứu bào chế viên nén	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 4/2010	14-16	2010

	nifedipin giải phóng theo nhịp					10, số 408		
6.	Nghiên cứu bào chế vi cầu gliclazid giải phóng kéo dài	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 7/20 10, số 411	32-35	2010
7.	Nghiên cứu bào chế pellet lansoprazol	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 9/20 10, số 413	39-41	2010
8.	Nghiên cứu bào chế viên nén paracetamol 650 mg giải phóng kéo dài chứa pellet	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 10/2 010, số 414	39-41	2010
9.	Nghiên cứu bào chế vi nang vitamin E	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 1/20 11, số 417	07-10	2011
10.	Nghiên cứu đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng giải phóng melatonin từ viên giải phóng kéo dài theo cơ chế bơm thẩm thấu	3	Nghiên cứu Dược & Thông tin thuốc			Số 2/20 11	46-49	2011
11.	Nghiên cứu bào chế viên nén gliclazid giải phóng kéo dài	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 7/20 11, số 423	26-28	2011
12.	Nghiên cứu bào chế pellet melatonin giải	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 10/2 011,	15-19	2011

	phóng kéo dài					số 426		
13.	Nghiên cứu bào chế pellet clorpheniramin giải phóng kéo dài	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 3/2012, số 431	15-19	2012
14.	Nghiên cứu bào chế vi nang dầu gan cá bằng phương pháp đông tụ phức hợp	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 9/2012, số 437	06-10	2012
15.	Nghiên cứu xây dựng công thức bào chế viên nén phối hợp metformin giải phóng kéo dài và glipizid giải phóng ngay	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 12/2012, số 440	02-07	2012
16.	Nghiên cứu xây dựng công thức bào chế pellet omeprazol bao tan ở ruột	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 2/2013, số 442	10-14	2013
17.	Nghiên cứu bào chế hệ phân tán rắn glipizid với hydroxypropyl methylcellulose	2	Nghiên cứu Dược & Thông tin thuốc			Số 3/2013	106-110	2013
18.	Xây dựng phương pháp định lượng lansoprazol trong huyết tương chó	4	Nghiên cứu Dược & Thông tin thuốc			Số 6/2013	224-229	2013
19.	Tác dụng chống oxy hóa của bài thuốc Hoàng liên giải độc thang trong điều trị bỏng	4	Nghiên cứu Dược & Thông tin thuốc			Số 6/2013	229-233	2013

	thực nghiệm và lâm sàng							
20.	Nghiên cứu bào chế pellet lanzoprazol bằng phương pháp đùn tạo cầu	3	Tạp Chí Y – Dược Học Quân Sự			Số 6/2013	15-19	2013
21.	Nghiên cứu bào chế pellet gliclazid giải phóng kéo dài	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 9/2013, số 449	16-20&58	2013
22.	Nghiên cứu xây dựng công thức bào chế viên nén amoxicilin hai lớp giải phóng kiểm soát	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 12/2013, số 452	02-06	2013
<i>Bài báo quốc tế (5 bài)</i>								
23.	Pharmacokinetics of orally administered phenylbutazone in African and Asian elephants	6		Journal of Zoo and Wildlife Medicine (SCI, IF: 0,42)	01	Volume 2, issue 39	188-200	2008
24.	Formulation of Sustained-Release Verapamil HCl and Diltiazem HCl Semisolid Matrix Capsules	3		Pharmaceutical Development and Technology (SCIE, IF: 1,945)	06	Volume 13	115-125	2008
25.	Verapamil Sustained Release: New Formulation and Convolution	3		Pharmaceutical Development and Technology (SCIE, IF: 1,945)	03	Volume 2, issue 17	148-157	2012

26.	Novel Mesalamine Loaded Beads in Tablets For Delayed Release of Drug to the Colon	3		Pharmaceutic al Development and Technology (SCIE, IF: 1,945)	05	Volume 1, issue 17	73-83	2012
27.	Compression of coated drug beads for sustained release tablet of glipizide: formulation, and dissolution	3		Pharmaceutic al Development and Technology (SCIE, IF:1,945)	03	Volume 19, issue 1	10-20	2012
Sau khi được công nhận chức danh PGS								
<i>Bài báo trong nước và các kỹ yếu hội nghị khoa học</i>								
28.	Nghiên cứu bào chế vi nang glipizid giải phóng kéo dài bằng phương pháp đông tụ	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 1/2014, số 453	15-20	2014
29.	Nghiên cứu bào chế pellet lansoprazol bằng phương pháp bồi dần sử dụng thiết bị bao tầng sôi	3	Tạp Chí Y – Dược Học Quân Sự			Số phụ trương	13-18	2014
30.	Nghiên cứu xây dựng công thức màng bao cách ly cho pellet lansoprazol	3	Tạp Chí Y – Dược Học Quân Sự			Số 5-2014	19-23	2014
31.	Formulation of sustained release metformin hydrochloride pellets	3	Vietnam Journal Of Medicine & Pharmacy			Volume 6, issue 3	53-59	2014
32.	Nghiên cứu ảnh	2	Tạp Chí			Tập	08-12	2015

	hường của tá dược và độ dày màng bao đến khả năng giải phóng dược chất và độ ổn định của viên aspirin bao tan ở ruột		Dược Học			1/20 15, số 465		
33.	Nghiên cứu bào chế pellet aspirin bao tan ở ruột	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 3/20 15, số 467	04-08	2015
34.	Nghiên cứu bào chế viên nén hai lớp amoxicilin và acid clavulanic giải phóng kéo dài	4	Nghiên cứu Dược & Thông tin thuốc			Số 4/20 15	08-12	2015
35.	Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano artesunat với chất mang là PLGA và chitosan	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 12/2 015, số 476	08-12	2015
36.	Impact(s) of surfactants and stabilizers on characteristics of glipizide PLGA nanoparticles	3	The 1 st International Conference On Pharmacy Education And Research Network Of ASEAN			-	489- 494	2015
37.	Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano lipid rắn Mafenid	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 3/20 16, số 479	05&77- 80	2016
38.	Bào chế tiểu phân nano artesunat-	4	Nghiên cứu Dược			Số 4/20	19-23	2016

	PLGA PEG hóa		& Thông tin thuốc			16		
39.	Nghiên cứu bào chế vi nang probiotics bằng phương pháp đông tụ	4	Tạp Chí Dược Học			Tập 5/2016, số 481	61-65	2016
40.	Đánh giá ảnh hưởng của thành phần công thức và qui trình bào chế lớp giải phóng kéo dài tới khả năng giải phóng amoxicilin từ viên nén 2 lớp	3	Nghiên cứu Dược & Thông tin thuốc			Số 6/2016	8-13	2016
41.	Tối ưu hóa công thức bào chế tiểu phân nano glipizid với chất mang PLGA và Chitosan	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 3/2017, số 491	73-76	2017
42.	Nghiên cứu bào chế vi nang probiotic chứa vi khuẩn <i>Lactobacillus acidophilus</i> bằng phương pháp đông tụ từ nhũ tương	4	Tạp Chí Dược Học			Tập 3/2017, số 491	2-4&47	2017
43.	Nghiên cứu khả năng bảo vệ <i>Lactobacillus acidophilus</i> ATCC 4356 của vi nang alginat-tinh bột bao chitosan	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 4/2017, số 492	10-11&28	2017
44.	Nghiên cứu bào chế hệ tự nhũ hóa chứa fenofibrat	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 5/2017,	35-37	2017

						số 493		
45.	Thiết kế tối ưu công thức viên nén glipizid giải phóng kéo dài	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 8/2017, số 496	06-08	2017
46.	Tối ưu hóa công thức bào chế viên nén 2 lớp amoxicillin và acid clavulanic giải phóng kiểm soát	4	Tạp Chí Dược Học			Tập 10/2017, số 498	35-40	2017
47.	Xây dựng và thẩm định phương pháp định lượng đồng thời artesunat và dihydroartemisinin trong huyết tương bằng LC-MS/MS	2	Nghiên cứu Dược & Thông tin thuốc			Tập 8, số 6	30-34	2017
48.	Thẩm định phương pháp định lượng glipizid trong huyết tương bằng phương pháp HPLC	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 1/2018, số 501	19-22	2018
49.	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bột đông khô chứa tiểu phân nano artesunat	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 1/2018, số 501	7-9&32	2018
50.	Xây dựng công thức màng bao kiểm soát giải phóng cho viên glipizid giải phóng kéo dài dạng cốt	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 1/2018, số 501	59-63	2018
51.	Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano	4	Nghiên cứu Dược			Tập 9, số	2-7	2018

	fenofibrat		& Thông Tin Thuốc			1		
52.	Xây dựng công thức màng bao bảo vệ viên nén 2 lớp amoxicillin và acid clavulanic giải phóng kéo dài	4	Tạp Chí Dược Học			Tập 7/2018, số 507	14-20	2018
53.	Xây dựng phương pháp định lượng fenofibrat và acid fenofibric trong huyết tương chó bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.	5	Tạp Chí Dược Học			Tập 7/2018, số 507	41-44	2018
54.	Các phương pháp đánh giá đặc tính lí hóa, tác dụng sinh học và khả năng ứng dụng của hệ tiểu phân nano	2	Tạp Chí Y Học Quân Sự			Số 333	49-53	2018
55.	Tối ưu hóa công thức bào chế tiểu phân nano dihydroartemisinin với chất mang Eudratgit EPO	3	Tạp Chí Dược Học			Tập 12/2018, số 512	3-6	2018
56.	Nghiên cứu bào chế viên nén nổi cefpodoxim giải phóng kéo dài	3	Nghiên Cứu Dược & Thông Tin Thuốc			Tập 9, số 4	26-32	2018
57.	Nghiên cứu bào chế hydrogel chứa tiểu phân niosome tadalafil	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 1, số 513	13-16&35	2019
58.	Ảnh hưởng màng bao tan ở ruột lên khả năng giải phóng dược chất từ	2	Tạp Chí Dược Học			Tập 1, số 513	31-35	2019

	viên glipizid giải phóng kéo dài cốt thân nước							
59.	Nghiên cứu bào chế vi nang diclofenac-alginat bằng phương pháp đông tụ	4	Nghiên Cứu Dược & Thông Tin Thuốc			Tập 9, số 5	10-15	2019
60.	Chemical constituents and biological activity of <i>Pouzolzia zeylanica</i> whole plants extracts	7	Tạp chí Dược liệu			Tập 24, số 3,	148-153	2019
<i>Bào báo quốc tế (14 bài)</i>								
61.	Application of D-Optimal Study Design with Contour Surface Response for Designing Sustained Release Gliclazide Matrix Tablets	3		Pharmacology & Pharmacy (Scopus, IF: 0,72)		Volume 5, issue 7	620-635	2014
62.	Enhancing the <i>in vitro</i> anti-cancer efficacy of artesunate by loading into poly-D,L-lactide-co-glycolide (PLGA) nanoparticles	5		Archives of Pharmacal Research (SCIE, IF: 2,330)	33	Volume 38, issue 5	716-724	2014
63.	Hyaluronic acid-coated solid lipid nanoparticles for targeted delivery of vorinostat to CD44 overexpressing cancer cells	8		Carbohydrate Polymers (IF: 5,158)	55	Volume 114	407-415	2014

64.	Development and evaluation of artesunate loaded chitosan coated lipid nanocapsule as a potential drug delivery system against breast cancer	7		AAPS PharmSciTech (SCIE, IF: 2,666)	21	Volume 16, issue 6	1307-1316	2015
65.	Optimization and Characterization of Artesunate-Loaded Chitosan-Decorated Poly(D,L-lactide-co-glycolide) Acid	5		Journal of Nanomaterials (SCIE, IF: 2,207)	06	Volume 16, issue 1	383	2015
66.	Enhancing activity of artesunate against breast cancer cells via induced-apoptosis pathway by loading into lipid carriers	5		Artificial cells, nanomedicine, and biotechnology (SCI, IF: 3,206)	12	Volume 44, issue 8	1979-1987	2016
67.	Targeted and controlled drug delivery system loading artesunate for effective chemotherapy on CD44 overexpressing cancer cells	7		Archives of Pharmacal Research (SCIE, IF: 2,330)	10	Volume 39, issue 5	687-694	2016
68.	Development of electrosprayed artesunate-loaded core-shell nanoparticles	7		Drug Development and Industrial Pharmacy (SCI, IF: 1,883)	02	Volume 43, issue 7	1134-1142	2017
69.	Formulation	6		Pharmacolog		Volu	153-	2017

	Optimization Utilizing D-Optimal Experimental Design of Oral Capsules Containing Enteric-Coated Pellets of Lansoprazole and in vivo Bioequivalence			y & Pharmacy (IF: 0,72)		me 8, issue 5	171	
70.	Developing combination of artesunate with paclitaxel loaded into poly-D,L-lactic-co-glycolic acid nanoparticle for systemic delivery to exhibit synergic chemotherapeutic response	5		Drug Development and Industrial Pharmacy (SCI, IF: 1,883)	04	Volume 43, issue 12	1952-1962	2017
71.	Nanostructured lipid carriers to enhance transdermal delivery and efficacy of diclofenac	4		Drug delivery and translational research (SCIE, IF: 3,395)	03	Volume 7, issue 5	664-673	2017
72.	Combination of a chemopreventive agent and paclitaxel in CD44-targeted hybrid nanoparticles for breast cancer treatment	5		Archives of Pharmacal Research (SCIE, IF: 2,330)	03	Volume 40, issue 12	1420-1432	2017
73.	D-Optimal Optimization and	5		Journal of Pharmaceutic	01	-	1-15	2018

	Data-Analysis Comparison Between a DoE Software and Artificial Neural Networks of a Chitosan Coating Process onto PLGA Nanoparticles for Lung and Cervical Cancer Treatment			al Innovation (SCIE, IF: 1,934)				
74.	Physical Absorption of Folic Acid and Chitosan on Dihydroartemisinin-Loaded Poly-Lactic-Co-Glycolic Acid Nanoparticles via Electrostatic Interaction for Their Enhanced Uptake and Anticancer Effect	5		Journal of nanomaterials (SCIE, IF: 2,223)		Volume 2019	Article ID 6808530, 14 pages https://doi.org/10.1155/2019/6808530	2019

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS:

1. **Chien Nguyen, John Mark Christensen, Thuy Nguyen**, (2014), “Application of D-Optimal Study Design with Contour Surface Response for Designing Sustained Release Gliclazide Matrix Tablets”, *Pharmacology & Pharmacy*, Vol 5(7): 620-635; (tạp chí Scopus, IF: 0,72).
2. **Hanh Thuy Nguyen ; Tuan Hiep Tran; Jong Oh Kim; Chul Soon Yong; Chien Ngoc Nguyen**, (2014), “Enhancing the in vitro anti-cancer efficacy of artesunate by loading into poly-D,L-lactide-co-glycolide (PLGA) nanoparticles”, *Arch. Pharm. Res.*, Vol 38(5): 716-724; (tạp chí SCIE, IF: 2,330).
3. **Tuan Hiep Tran, Ju Yeon Choi, Thiruganesh Ramasamy, Duy Hieu Truong; Chien Ngoc Nguyen, Han-Gon Choi, Chul Soon Yong, Jong Oh Kim**, (2014), “Hyaluronic acid-coated solid lipid nanoparticles for targeted delivery of vorinostat to

- CD44 overexpressing cancer cells”, *Carbohydrate Polymers*; Vol(114): 407–415; (tạp chí SCIE, IF: 5,158).
4. **Tuan Hiep Tran, Tuan Duc Nguyen, Bijay Kumar Poudel, Hanh Thuy Nguyen, Jong Oh Kim, Chul Soon Yong, and Chien Ngoc Nguyen**, (2015), “Development and evaluation of artesunate loaded chitosan coated lipid nanocapsule as a potential drug delivery system against breast cancer”, *AAPS PharmSciTech*; Vol 16(6): 1307-1316; (tạp chí SCIE, IF: 2,666).
 5. **Hoang Nhan Ho, Tuan Hiep Tran, Trong Bien Tran, Chul Soon Yong, and Chien Ngoc Nguyen**; (2015); “Optimization and Characterization of Artesunate-Loaded Chitosan-Decorated Poly(D,L-lactide-co-glycolide) Acid”; *Journal of Nanomaterials*, Volume 16(1): 383; Article ID 674175, (tạp chí SCIE, IF: 2,207).
 6. **Tuan Hiep Tran, Anh Ngoc Nguyen, Jong Oh Kim, Chul Soon Yong & Chien Ngoc Nguyen**; (2016); “Enhancing activity of artesunate against breast cancer cells via induced-apoptosis pathway by loading into lipid carriers”; *Artificial cells, nanomedicine, and biotechnology*; Vol 44(8): 1979-1987; (tạp chí SCIE, IF: 3,206).
 7. **Tuan Hiep Tran; Tuan Duc Nguyen; Han Van Nguyen; Hanh Thuy Nguyen; Jong Oh Kim; Chul Soon Yong; Chien Ngoc Nguyen** (2016); “Targeted and controlled drug delivery system loading artesunate for effective chemotherapy on CD44 overexpressing cancer cells”; *Arch. Pharm. Res.*; Vol 39(5): 687-694; (tạp chí SCIE, IF: 2,330).
 8. **Hoang Nhan Ho, Ivo Laidmäe, Karin Kogermann, Andres Lust, Andres Meos, Chien Ngoc Nguyen & Jyrki Heinämäki**; (2017); “Development of electrosprayed artesunate-loaded core–shell nanoparticles”; *Drug Development and Industrial Pharmacy*; Vol 43(7): 1134-1141; (tạp chí SCIE, IF: 1,883).
 9. **Anh Quang Luong, Thang Ngoc Vu, Dang Hoa Nguyen, Sultan M. Alshahrani, John Mark Christensen, Chien Ngoc Nguyen**; (2017); “Formulation Optimization Utilizing D-Optimal Experimental Design of Oral Capsules Containing Enteric-Coated Pellets of Lansoprazole and in vivo Bioequivalence”; *Pharmacology & Pharmacy*; Vol. 8(5): 153-171; (tạp chí Scopus, IF 0,73).
 10. **Bao Ngoc Tran, Hanh Thuy Nguyen, Jong Oh Kim, Chul Soon Yong & Chien Ngoc Nguyen**; (2017); “Developing combination of artesunate with paclitaxel loaded into poly-d,l-lactic-co-glycolic acid nanoparticle for systemic delivery to exhibit synergic chemotherapeutic response”; *Drug Development and Industrial Pharmacy*; Vol. 43(12):1952-1962; (tạp chí SCI, IF: 1,883).
 11. **Chien Ngoc Nguyen, Thi Thuy Trang Nguyen, Hanh Thuy Nguyen, Tuan Hiep Tran**; (2017); “Nanostructured lipid carriers to enhance transdermal delivery and efficacy of diclofenac”, *Drug delivery and translational research*, Vol. 7(5): 664-673. (tạp chí SCI, IF: 3,395).

12. **Bao Ngoc Tran, Hanh Thuy Nguyen, Jong Oh Kim, Chul Soon Yong, Chien Ngoc Nguyen;** (2017); "Combination of a chemopreventive agent and paclitaxel in CD44-targeted hybrid nanoparticles for breast cancer treatment"; *Arch. Pharm. Res.* Vol.40(12):1420-1432; (tạp chí SCI, IF: 2,330).
13. **Chien Ngoc Nguyen, Bao Ngoc Tran, Thi Thao Do, Huong Nguyen, Thi Nga Nguyen;** (2018); "D-Optimal Optimization and Data-Analysis Comparison Between a DoE Software and Artificial Neural Networks of a Chitosan Coating Process onto PLGA Nanoparticles for Lung and Cervical Cancer Treatment"; *Journal of Pharmaceutical Innovation;* 1-15; (tạp chí SCIE, IF: 1,934).
14. **Chien Ngoc Nguyen, Bao Ngoc Tran, Hoa Nguyen Thi, Phong Pham Huu, Huong Nguyen Thi,** (2019); "Physical Absorption of Folic Acid and Chitosan on Dihydroartemisinin-Loaded Poly-Lactic-Co-Glycolic Acid Nanoparticles via Electrostatic Interaction for Their Enhanced Uptake and Anticancer Effect," *Journal of Nanomaterials,* Vol. 2019, Article ID 6808530, 14 pages. <https://doi.org/10.1155/2019/6808530>; (tạp chí SCIE, IF = 2,207).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Đã tham gia xây dựng Chương trình chi tiết đào tạo Sau Đại học hệ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Chuyên khoa I, chuyên khoa II của chuyên ngành Công nghệ Dược phẩm

và Bào chế từ năm 2014, đã tham gia xây dựng Chương trình chi tiết đào tạo Dược sĩ đại học từ năm 2011, đồng thời tham gia hội đồng tư vấn, xét duyệt hướng nghiên cứu, nghiệm thu các đề tài cấp Trường, cấp Sở, cấp Bộ và cấp Quốc gia trong lĩnh vực Dược.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
- Hướng dẫn NCS,ThS:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Ngọc Chiến

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

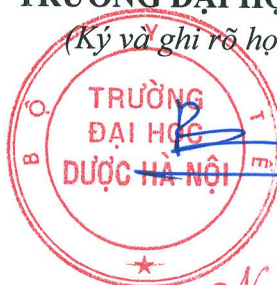
- Các nội dung “Thông tin cá nhân” được ông Nguyễn Ngọc Chiến khai tại phần A của bản đăng ký này là chính xác và đúng với hồ sơ viên chức đang lưu tại trường Đại học Dược Hà Nội.

- Những thông tin ông Nguyễn Ngọc Chiến khai trong bản đăng ký này về giai đoạn công tác tại trường Đại học Dược Hà Nội từ năm học 2013-2014 đến nay là chính xác. Trong giai đoạn công tác tại trường Đại học Dược Hà Nội từ năm học 1995-2002 và 2007 – đến nay, ông Nguyễn Ngọc Chiến đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thanh Bình